

Số: 4120 /BGDDĐT-PC

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

V/v báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật Giáo dục, giai đoạn 2020 - 2024

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Giáo dục, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Để có cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp để hoàn thiện Luật Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm tổ chức triển khai hoạt động rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật Giáo dục, giai đoạn 2020 - 2024 (theo đề cương Báo cáo gửi kèm theo Công văn này).

Báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật Giáo dục, giai đoạn 2020 - 2024 gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Pháp chế) **trước ngày 30/8/2024** qua Hệ thống quản lý hành chính điện tử (hệ thống eoffice), file word gửi về hộp thư điện tử vupc@moet.gov.vn để tổng hợp.

(Mọi chi tiết, xin liên hệ: đồng chí Lê Thị Ngát - Chuyên viên chính Vụ Pháp chế, số ĐT: 024.38695144-số lẻ 423/0983090280).

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, PC.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN LUẬT GIÁO DỤC
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024

(Kèm theo Công văn số: /BGDDT-PC ngày tháng 8 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. Công tác chỉ đạo triển khai, tuyên truyền, phổ biến Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục

Đề nghị nêu rõ hình thức chỉ đạo triển khai (công văn, kế hoạch...) cũng như tuyên truyền, phổ biến (hội thảo, hội nghị, đưa tin, bài trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị ...)

II. Công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính

- Việc tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ trong các cơ sở giáo dục (có số liệu cụ thể)
- Số lượt thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục từ năm 2020-2024.

Phần thứ hai
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Đánh giá chung

2. Đánh giá cụ thể

2.1. Về quản lý nhà nước đối với giáo dục

Đánh giá kết quả đạt được về quản lý nhà nước đối với giáo dục theo trách nhiệm của các chủ thể cụ thể thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Giáo dục¹. Cụ thể:

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm, giáo dục thường xuyên. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quản lý nhà

2.1.1. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của cơ sở giáo dục trên địa bàn;

2.1.2. Bảo đảm các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, tài chính, cơ sở vật chất, thư viện và thiết bị dạy học của trường công lập thuộc phạm vi quản lý;

2.1.3. Phát triển các loại hình nhà trường, thực hiện xã hội hóa giáo dục; bảo đảm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục tại địa phương;

2.1.4. Thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính sách của địa phương để bảo đảm quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ và chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý;

2.1.5. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục tại địa phương.

2.2. Về thực hiện các chính sách phát triển giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục

2.2.1. Chính sách đầu tư phát triển giáo dục mầm non; ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp; chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội;

2.2.2. Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (trong đó nêu cụ thể việc triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018);

2.2.3. Chính sách đầu tư phát triển giáo dục thường xuyên, thực hiện giáo dục cho mọi người, thúc đẩy việc học tập của người lớn, xây dựng xã hội học tập; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, cung ứng dịch vụ giáo dục thường xuyên có chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học;

2.2.4. Chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình; chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường giáo dưỡng hoặc trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

2.2.5. Chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền đối với người học; khuyến khích xã hội hóa hoạt động tín dụng giáo dục;

2.2.6. Chính sách cấp học bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho người học;

2.2.7. Ưu tiên đầu tư tài chính và đất đai cho việc xây dựng trường học và ký túc xá cho học sinh, sinh viên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, đóng góp trí tuệ, công sức, tài sản cho giáo dục;

2.2.8. Chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục.

3. Về nguồn lực cho giáo dục

3.1. Về tổ chức bộ máy, nhân sự trong các cơ sở giáo dục

- Đề nghị báo cáo rõ về cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự theo quy định của Luật Giáo dục để bảo đảm điều kiện hoạt động của các cơ sở giáo dục công lập (trường trực thuộc địa phương).

3.2. Về kinh phí cho giáo dục

Nêu rõ mức kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm (bao gồm chi thường xuyên, chi đầu tư từ tất cả các nguồn vốn: trong nước, ngoài nước):

- Chi thường xuyên: bao gồm NSNN cấp thường xuyên hàng năm bố trí cho giáo dục và kinh phí triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ về giáo dục do bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương đang chủ trì thực hiện.

- Chi đầu tư: đánh giá rõ vốn đầu tư công nguồn NSNN và các nguồn hợp pháp khác bố trí cho giáo dục theo các kế hoạch trung hạn và hằng năm, bao gồm tổng số vốn, mục tiêu đầu tư, dự án đầu tư, đánh giá tăng/giảm trong giai đoạn 2020 - 2024.

3.3. Huy động nguồn lực xã hội cho giáo dục

Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội của Bộ, cơ quan TW, địa phương, cơ sở giáo dục, mức kinh phí huy động được.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Kết quả rà soát, đánh giá thực tiễn áp dụng, thi hành Luật Giáo dục và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục

1.1. Số điều, khoản trong Luật Giáo dục mâu thuẫn, chồng chéo với Luật khác do Quốc hội ban hành

1.2. Số điều, khoản trong Luật Giáo dục chưa phù hợp với thực tiễn

1.3. Số điều, khoản trong Luật Giáo dục chưa cụ thể, rõ ràng để áp dụng trong thực tiễn

1.4. Số văn bản QPPL triển khai thực hiện Luật Giáo dục còn gây khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành Luật Giáo dục: *(đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch...)*

2. Những nhóm chính sách và quy định còn tồn tại, hạn chế, mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Luật Giáo dục và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục (xếp theo nhóm vấn đề)

(Trường hợp nội dung trong định hướng là vấn đề mới chưa có quy định trong Luật Giáo dục thì cần nghiên cứu, đánh giá về việc thi hành văn bản dưới Luật (nếu có) đang điều chỉnh nội dung này; làm rõ nhu cầu cần có quy định của Luật Giáo dục để điều chỉnh và kinh nghiệm quốc tế. Trong mỗi lĩnh vực cụ thể, có thể lồng ghép đánh giá việc thực hiện các chính sách của Nhà nước có liên quan, có đối sánh trước và sau khi thực hiện Luật Giáo dục 2019, cũng như có phân tích, đối sánh quốc tế; nội dung quản lý nhà nước/phân cấp quản lý nhà nước, việc tuân thủ quy định pháp luật và những vấn đề nổi cộm (qua công tác thanh tra, kiểm tra).

2.1. Đối với giáo dục mầm non

- Chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển giáo dục mầm non;
- Chính sách đối với trẻ em mầm non;
- Chính sách đối với giáo viên mầm non.

2.2. Đối với giáo dục phổ thông

- Quy định việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số;
- Quy định về nội dung, phương pháp giáo dục phổ thông;
- Quy định yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học, nội dung giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh trong cả nước;
- Quy định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học của giáo dục phổ thông;
- Quy định về sách giáo khoa giáo dục phổ thông, đặc biệt là việc lựa chọn sách giáo khoa sử dụng ổn định trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa

bàn; tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục địa phương; việc in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương.

2.3. Đối với giáo dục thường xuyên

- Nhiệm vụ của giáo dục thường xuyên;
- Quy định về chương trình, hình thức, nội dung, phương pháp giáo dục thường xuyên;
- Chính sách phát triển giáo dục thường xuyên.

2.4. Hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục

- Quy định về việc triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục.
- Quy định về việc kết hợp giữa hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục với việc nâng cao chất lượng giáo dục.
- Quy định về các chính sách ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục.

2.5. Hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục

- Quy định khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục của Việt Nam hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;
- Quy định khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;
- Quy định việc hợp tác và đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài về giáo dục.
- Quy định về công nhận văn bằng nước ngoài.

2.6. Về nhà giáo

- Quy định nâng trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo và chính sách về phát triển đội ngũ nhà giáo.
- Quyền, nhiệm vụ, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2.7. Về người học

Chính sách học phí, học bổng, tín dụng ưu đãi và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác đối với người học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc địa phương

2.8. Về đầu tư tài chính và đất đai cho cơ sở giáo dục

- Về nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục, trong đó ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục;

- Về ưu đãi đầu tư tài chính và đất đai cho việc xây dựng trường học và ký túc xá cho học sinh, sinh viên;
- Về khuyến khích đầu tư cho giáo dục;
- Về ưu đãi về thuế đối với sách giáo khoa và tài liệu, thiết bị dạy học;
- Về chế độ tài chính đối với cơ sở giáo dục;
- Về quyền sở hữu tài sản, chuyển nhượng vốn đối với trường dân lập, trường tư thục;
- Về chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, trường tư thục.

2.9. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo

Đánh giá mức độ bù đắp chi phí đào tạo của mức học phí hiện hành và quy định mức học phí hiện hành; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác được xác định theo lộ trình tính đúng, tính đủ ...

2.10. Phân cấp quản lý nhà nước đối với hệ thống giáo dục

Việc thực hiện quản lý nhà nước của UBND các cấp về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ đối với các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Giáo dục.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- 1. Nguyên nhân khách quan***
- 2. Nguyên nhân chủ quan***

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT GIÁO DỤC (nếu có)

II. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về thể chế

Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa Luật Giáo dục và các Luật khác, đồng thời để giải quyết những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện như phân tích nêu trên, (*Cơ quan báo cáo*) đề xuất giải pháp về thể chế (*theo các nội dung gợi ý như sau:*

- Văn bản có nội dung cần đình chỉ thi hành
- Văn bản có nội dung cần sửa đổi, bổ sung

- Văn bản có nội dung cần thay thế
- Văn bản có nội dung cần bãi bỏ
- Văn bản có nội dung cần ban hành mới (nếu có)

Nếu có đề xuất giải pháp về thể chế, đề nghị ghi rõ số lượng theo từng loại văn bản: Luật, Nghị quyết của QH/UBTVQH, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư/Thông tư liên tịch ...)

2. Giải pháp về tổ chức thi hành Luật Giáo dục

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; rà soát văn bản QPPL; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra...

3. Ý kiến khác
